

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05 – 02 – 2021

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

- Ông Ngô Hoàng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Đức Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 666/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Kiều L, sinh năm 1979 (có mặt).

Bị đơn: Anh Tạ Hồng M (M'), sinh năm 1965 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: đường T, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 08/12/2020 và tại phiên tòa, chị Trần Kiều L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Tạ Hồng M chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải, huyện Trần Trần Thời, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên sống không hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị xác định có 02 con chung tên Tạ Nhật T, sinh ngày 15/10/2000 và Tạ Trường Th, sinh ngày 21/9/2003, hiện cháu T đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Đối với cháu Th hiện đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu Th cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

- Tại bản tự khai anh Tạ Hồng M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Kiều L chung sống vợ chồng vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó có phát sinh cự cãi nhau. Nay chị L xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định có 02 con chung tên Tạ Nhật T, sinh ngày 15/10/2000 và Tạ Trường Th, sinh ngày 21/9/2003, hiện cháu T đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Đối với cháu Th hiện đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn, cháu Th ở với ai người đó nuôi, trường hợp ở với anh anh đồng ý nhận nuôi. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh khai không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự; Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về hôn nhân: Không công nhận anh Tạ Hồng M và chị Trần Kiều L là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Tạ Trường Th cho anh M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Tạ Hồng M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Tạ Hồng M và chị Trần Kiều L đều xác định anh chị chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 1999. Tuy nhiên, tại giấy xác nhận ngày 28/12/2020 và Công văn số 31/UBND-TPHT ngày 03/02/2021 của UBND xã Khánh Hải xác định: Bộ lưu tàng thư kết hôn không có trường hợp đăng ký kết hôn của Trần Kiều L và Tạ Hồng M; Việc chị L, anh M có cung cấp 01 bản giấy chứng nhận kết hôn tên Trần Kiều L và Tạ Hồng M là chưa đủ cơ sở và không có giá trị pháp lý vì: Giấy không có số, số quyền; không có ngày, tháng, năm ban hành; chữ ký, tên và dấu bị mờ không xác định được. Vì vậy việc anh M chị L xác định có đăng ký kết hôn là không cơ sở, mà có căn cứ xác định anh chị thuộc trường hợp không có đăng ký kết hôn theo quy định do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L, anh M xác định có 02 con chung tên Tạ Nhật T, sinh ngày 15/10/2000 và Tạ Trường Th, sinh ngày 21/9/2003, hiện cháu T đã

trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Đối với cháu Th hiện đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn, chị L đồng ý giao cháu Th cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, anh M đồng ý nhận nuôi cháu Th. Xét thấy, anh M chị L thỏa thuận giao cháu Th cho anh M tiếp tục nuôi và cũng phù hợp nguyện vọng cháu Th muốn ở với cha nếu cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Th cho anh M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L, anh M xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết;

[6] Về nợ chung: Chị L, anh M khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra xem xét.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Kiều L và anh Tạ Hồng M là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Tạ Trường Th, sinh ngày 21/9/2003 cho anh Tạ Hồng M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Tạ Nhật T, sinh ngày 15/10/2000 đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Chị L được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị L, anh M xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L, anh M khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Trần Kiều L phải chịu 300.000đ. Ngày 08 tháng 12 năm 2020, chị L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000333 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đổi trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)
Lê Thị Thu